

DUYÊN SANH VỚI TÁM THỨC

I. Duyên Sanh

Qua bốn phần giải thích những điểm cốt yếu trong “30 bài tụng Duy-thức”, chúng ta thấy: ba loại tướng thức năng biến đều do duyên sanh, nên đều thuộc tánh y tha. Trong tánh y tha, khởi nên hiện tượng “in tuồng có mà thực là không”. Dựa vào cái “in tuồng có” ấy, chúng hữu tình vọng chấp có ngã, có pháp, nên rơi vào tánh biến kế sở chấp, hoàn toàn như mộng ảo, bèn xa lìa tất cả các tướng, tức bỏ ngay cái vọng tưởng điên đảo chấp ngã, chấp pháp, liền trở về với tự tánh viên thành, là thực tánh chân như vắng lặng, bình đẳng. Khi chứng tánh chân như là đã có bốn trí bồ-đề, hợp thành năm phép, làm cơ sở cho hai quả chuyển y. Với hai quả chuyển y ấy, thì hành nguyện độ sanh theo gương chư Phật, muôn đời không ngại.

Như vậy, đầu mối mê lầm khiến cho hữu tình đắm chìm trong đêm dài sanh tử, chính là hiện tượng (in tuồng có mà thực là không” đó. Bởi thế, chúng ta nên đi sâu vào các hiện tượng duyên sanh, để thấy rõ cái thực không trong mọi tướng giả có, để trực nhận chân lý mà thoát mê dứt khổ.

Vì cái mê lầm không có gốc, như người lộn đường lạc hướng đi, nên nay chỉ cần tin vào người chỉ đường: vững tin bậc hướng đạo sư là đức Phật Thế-tôn, thì chắc chắn là người **thực tin** sẽ hết mê dứt khổ.

Đường giải mê đã chỉ rõ, tùy mình sẵn vững lòng tin, thì hiện tượng “giả hữu duyên sanh”, nào đâu khó thấy mà phải đợi có thời gian? Ngài Văn Thù dạy cho Long nữ thành Phật trong phút chốc (theo kinh Pháp Hoa) đó phải chăng là: cái trí trực nhận chân lý ngay trong các hiện tượng trước mắt?

Phạm vi tập sách nhỏ này không cho phép kéo dài. Sau đây, xin chi nói rõ “tám thức do duyên sanh” như đã hứa trước. Còn mọi vấn đề “trọng yếu tinh tế” khác, xin hẹn sẽ trình bày trong tập Duy Thức Tinh Yếu sẽ tiếp theo sau tập này. Hiện đang chờ nhiều nhiệt tình khuyến khích.

II. Các Duyên Sanh Tám Thức

Có một bài tụng kể rõ số duyên tạo nên tám thức như sau:

Nhãn thức: chín duyên sanh

Nhĩ thức chỉ còn tám.

Mũi lưỡi thân đều bảy.

Ba sau: 5, 3, 4“

Câu cuối có nghĩa là ba thức sau, tức ý thức, mạng na thức và tàng thức thì tương ứng chỉ có 5, 3, 4 duyên mà thôi.

A. Cái thấy của con mắt

Phải hội đủ chín duyên; thiếu một trong chín duyên ấy thì không có sự thấy. Chín duyên đó là: không gian, ánh sáng, căn (đây là con mắt), cảnh, tác ý (khởi ý muốn xem), ý thức, mạng na thức, tàng thức, chủng tử. Sáu duyên trước thì ai cũng chấp nhận, chỉ ba duyên sau thì có người chưa bao biết, nên cần phải nói rõ.

1. Mạng na thức (tức thức thứ bảy) có thói quen chấp ngã từ vô thủy, nên lúc nào nó cũng “lo nghĩa liệu lường – tư lường” để biết rõ những gì xảy ra chung quanh nó, xem có lợi hay có hại cho mình. Tác ý là một tâm sở ở dưới sự điều động của nó: sự sai sử của nó thì mới có sự khởi ý muốn xem thấy, cho nên đã chấp nhận có duyên tác ý (duyên thứ năm) thì cũng phải chấp nhận có thức mạng na là gốc của sự tác ý.

Còn ý thức thì sao? Ý thức phải dựa vào mạng na thức là ý căn, cũng như cái thấy phải dựa vào con mắt là nhãn căn vậy.

Tàng thức hay A lại da thức là chỗ dựa và cũng là chỗ nương theo của thức mạng na (xem lại chỗ giải thích câu 5/3 “Dựa kia, xoay nương kia” trong phần II, mục 2, tiết (a) trước đây). Đã chấp nhận có mạng na thì phải chấp nhận có A-lại-da là chỗ dựa của nó.

Chủng tử là mầm mống của muôn pháp: hình ảnh của muôn pháp đều được giữ trong tàng thức, nên khi nghe thấy một sự vật gì thì tức khắc mạng-na-thức (cũng gọi là tổng-đạt-thức) liền theo hình ảnh cũ tương tự với sự vật kia để cho nó và ý thức cùng nhau so sánh và nhận định: sự kiện này, trong tâm lý học Tây phương gọi là “sự nhận thức lại” trong sự nhận biết, vì có câu “La perception est une reconnaissance” (Sự nhận biết là một sự nhận thức lại). Như vậy, nếu không có chủng tử thì lấy gì làm căn cứ để nhận định?

Thế là đủ duyên, nhưng ba duyên sau này, nếu không học duy thức thì không thể thấy rõ được.

B. Cái nghe của lỗ tai

Phải hội đủ tám duyên, nghĩa là chín duyên như trên, trừ bớt duyên “ánh sáng”, vì trong đêm tối vẫn nghe được âm thanh.

C. Mũi, lưỡi, thân

Chỉ cần 7 duyên, tức bởi ba cơ quan này phải hiệp với trần cảnh, tức mũi phải ngửi sát, lưỡi phải nếm sát, thân phải cọ xát vật mà chúng nó muốn nhận biết mùi, vị, và cảm giác. Vì lẽ đó mà trong “Quy Củ của Tám Thức” có câu tụng: Ba hiệp, hai lìa, xét cảnh trần”, tức mũi, lưỡi, thân, phải hiệp còn tai, mắt phải lìa để nhận xét cảnh đời, thì mới cảm nhận và thấy biết được trần cảnh.

D. Ý Thức Phải Hội Đủ 5 Duyên:

- Mạng na thức làm chỗ dựa của ý thức, nên gọi là ý căn.
- Cảnh pháp tức hình ảnh mọi sự vật do ý thức tổng hợp lại với chất liệu do năm thức trước cung cấp.
- Tác ý: một trong năm tâm sở biến thành: nó phải khởi ý thì ý thức mới chú ý tới.
- Thức thứ tám, là chỗ dựa gốc, chung cho cả bảy chuyển thức.
- Chủng tử khởi hiện ý thức để cho ý thức so sánh mà thẩm định.

E. Mạt Na thức Chỉ Có Ba Duyên:

- Thức thứ 8 tức chỗ nó dựa vào với các chủng tử hiện có trong đó, và đồng thời là chỗ nó nương theo kiến phần để thấy biết (thức thứ 8 là căn và là cảnh của mạt na).
- Tác ý, như trên đã nói, đặc biệt là nó hằng khởi ý “tư lương”.
- Chủng tử, của tự nó khởi hiện.

G. Tầng thức có bốn duyên là:

- Căn, tức mạt na, vì chính mạt na giới hạn, làm cho tầng thức có riêng tư: khi mạt na bỏ thói quen chấp ngã thì trong tâm hay ngoài vũ trụ nào có gì chẳng phải duyên sanh? Trong ngoài, còn gì ngăn cách để chẳng về chung một tánh (?) cho tầng thức mở rộng mênh mông như vũ trụ vô biên?
- Cảnh tức các chủng tử của bảy chuyển thức trước gửi vào, và căn thân với thế giới mà căn thân nương dựa.
- Tác ý đánh thức tâm để cho tâm “tập” và “khởi” vì “tập khởi” là đặc tính của tâm. “Tập” là chứa nhóm, “khởi” là phát động: chính tác ý là kẻ cận thân xúi tâm “hằng chuyển như thác mạnh”. (câu 4/3).
- Chủng tử của tự thức khởi hiện, với sự giúp của tác ý.

Chú ý rằng: các duyên trong ba thức sau, số lượng đã ít, mà duyên nội tại thì tương đối nhiều: chỉ trừ ý thức có duyên “cảnh pháp” là hay liên hệ với ngoại trần, còn hai thức cuối thì các duyên thường đủ, cho nên: chỉ một mình ý thức có năm trường hợp bị gián đoạn (bài tụng 16), còn mạt na và tầng thức thì hằng chuyển không dứt. Bởi thế, chúng hữu tình mới nhận lầm là có ngã “duy nhất”, tức hằng một, chứ chẳng phải là “niệm niệm sanh diệt, nhân mất quả hiện, chẳng thường, chẳng đoạn”, như một dòng nước, mà “không ai tắm được hai lần!” Nó đã như thế mà chấp nó “thường nhất” thì không hợp lý!

III. Kết Luận

Như vậy, các thức, cũng như hết thảy các pháp hữu vi, đều **dựa nhờ vào nhân, nương gửi theo duyên** mà sanh khởi: không nhân, thiếu duyên thì chẳng hiện. Do nhân, duyên mà sanh thì “có cũng như không” chỉ tạm có rồi mất. Bởi vậy, đức Thế-tôn có dạy: Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không (Các pháp do nhân, duyên hợp lại mà sanh thì Ta (tức Đức Phật) nói là: không), chớ nên chấp có, chấp thường hay chấp đoạn mà bị đoạ.

Xin ghi đậm lời Phật dạy trên đây để nêu lên làm kết luận cho tập sách nhỏ này, với ước mong nhỏ nhiệm là: ai đã tin theo duy thức, xin chớ chấp duy thức mà bị gọi là “chấp pháp”: pháp nào cũng chỉ là con đò đưa qua sông mà thôi! Qua sông được rồi thì nên “bỏ lại” đò cho những người đi sau.

